

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2934/STC -GCS  
V/v Công khai minh bạch giá cả hàng  
hoá dịch vụ quan trọng thiết yếu.

Quảng Bình, ngày 25 tháng 9 năm 2017

Kính gửi: Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh Quảng Bình

Thực hiện Công văn số 574/UBND-KTN ngày 30/5/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Công khai minh bạch giá cả hàng hoá, dịch vụ quan trọng thiết yếu.

Sở Tài chính tổng hợp và báo cáo công khai giá các mặt hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

Danh mục đơn giá giống cây trồng, phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, vắc xin thú y tại thời điểm ngày 25/9/2017 (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Đề nghị Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh Quảng Bình tổ chức đăng tải công khai trên trang website theo đúng quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Quản lý Giá-BTC (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Trung tâm tin học STC (để công bố);
- Lưu VT, GCS.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Tuyền



## BẢN PHỤ LỤC

**Danh mục đơn giá giống cây trồng, phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật,  
Thuốc thú y tháng 9/2017**

(Kèm theo Công văn số 234/STC-GCS ngày 25/9/2017 của Sở Tài chính)

### 1. GIỐNG CÂY TRỒNG (VỤ HÈ THU 2017)

| TT | Giống             | Tên giống   | Đơn vị tính | Giá tiền (đồng) |
|----|-------------------|---|-------------|-----------------|
| 1  | Lúa               | Đóng gói 10kg/bao<br>KD18, DV108,<br>IR50404, Xuân Mai        | kg          | 15.700 đ/kg     |
|    |                   | HT1   | kg          | 16.700 đ/kg     |
|    |                   | Chất lượng cao<br>Đóng gói 5kg/bao<br>PC6, SV181, nếp<br>SVN1 | kg          | 20.000 đ/kg     |
| 2  | Ngô lai           | LVN10   | kg          | 45.000 đ        |
|    |                   | CP888   | kg          | 88.000 đ        |
|    |                   | CP989   | kg          | 80.000 đ        |
|    |                   | DK9901  | kg          | 130.000 đ       |
|    |                   | NK6326  | kg          | 130.000 đ       |
|    |                   | CP501   | kg          | 125.000 đ       |
|    |                   | CP3Q  | kg          | 85.000 đ        |
|    |                   | PAC999  | kg          | 123.000 đ       |
|    |                   | PAC339  | kg          | 123.000 đ       |
|    |                   | LVN61   | kg          | 77.000 đ        |
|    | Ngô nếp (nếp lai) | MX4   | kg          | 65.000 đ        |
|    |                   | HN88  | kg          | 305.000 đ       |
| 3  | Đậu xanh          | ĐX208   | kg          | 65.000 đ        |

## 2. VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

| TT | Loại Vật tư             | Giá bán<br>(đồng/kg) | Ghi chú |
|----|-------------------------|----------------------|---------|
| 1  | Đạm urêa Phú Mỹ         | 7.300                |         |
| 2  | Đạm urêa Hà Bắc         | 6.700                |         |
| 3  | Supe lân Lâm Thao       | 3.100                |         |
| 4  | Supe lân Long Thành     | 2.800                |         |
| 5  | Lân nung chảy Ninh Bình | 3.100                |         |
| 6  | Kaly clorua             | 6.800                |         |
| 7  | NPK 16.16.8 Việt Nhật   | 9.300                |         |
| 8  | NPK 5.12.3 Ninh Bình    | 4.300                |         |
| 9  | NPK 5.10.3 Lâm Thao     | 4.300                |         |
| 10 | NPK 5.10.3 Long Thành   | 4.200                |         |

## 3. THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

| TT | Nhóm thuốc            | Tên thuốc       | Đơn vị tính<br>( ml, gam ) | Giá<br>( đồng ) |
|----|-----------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|
| 01 | Nhóm thuốc trừ sâu    | Dylan 2EC       | 20ml                       | 10.000          |
|    |                       | Clever 150SC    | 6ml                        | 12.000          |
|    |                       | Angun 5WG       | 10gr                       | 5.000           |
|    |                       | Acmada 50EC     | 20ml                       | 8.000           |
|    |                       | Chess 50WG      | 20gr                       | 15.000          |
|    |                       | Map Arrow 420WP | 65gr                       | 25.000          |
|    |                       | Obaone          | 95WG 10g                   | 12.000          |
|    |                       | Virtaco         | 40WG 3g                    | 6.000           |
| 02 | Nhóm thuốc trừ bệnh   | Cavil 50SC      | 10ml                       | 3.000           |
|    |                       | Score 250 EC    | 10ml                       | 16.000          |
|    |                       | Ridomil 68WP    | 100gr                      | 45.000          |
|    |                       | Valydamycin 5SL | 100ml                      | 5.000           |
|    |                       | Anvil 5SC       | 20 ml                      | 7.000           |
| 03 | Nhóm thuốc diệt chuột | Racumin 0,75TP  | 20gr                       | 20.000          |
|    |                       | Biorat          | Kg                         | 80.000          |

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*



#### IV. VẮC XIN THÚ Y

| TT | Các loại vắc xin             | Đơn giá (đồng/liều) |
|----|------------------------------|---------------------|
| 1  | VX LMLM typ O (25 liều/lọ)   | 16.695 đ/liều       |
| 2  | VX LMLM 3 typ                | 33.390 đ/liều       |
| 3  | VX THT trâu bò (10 liều/lọ)  | 6.090 đ/liều        |
| 4  | VX Tai xanh lợn (10 liều/lọ) | 33.075 đ/liều       |
| 5  | VX Dịch tả lợn (10 liều/lọ)  | 4.200 đ/liều        |
| 6  | VX THT lợn (10 liều/lọ)      | 4.200 đ/liều        |
| 7  | VX Tam liên (10 liều/lọ)     | 4.850 đ/liều        |
| 8  | VX Newcastle                 | 500 đ/liều          |
| 9  | VX Gumboro                   | 350 đ/liều          |
| 10 | VX Đậu gà                    | 350 đ/liều          |
| 11 | VX Cúm gia cầm               | 357 đ/liều          |
| 12 | VX Dịch tả vịt               | 200 đ/liều          |
| 13 | VX THT gia cầm               | 1.200 đ/liều        |
| 14 | VX Lasota                    | 350 đ/liều          |